TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HS-ST
Ngày: 20-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021, Thông báo số 05/TB-TA ngày 27 tháng 9 năm 2021 về việc tạm dừng thời gian mở phiên toà hình sự sơ thẩm và Thông báo số 10/TB-TA ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc mở lại phiên toà, đối với bị cáo:

Trần Đức T, sinh năm 1989, tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 3, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đức T (tên gọi khác là Trần Văn T) và bà Trần Thị D; có vợ là: Trần Thị Quỳnh T (hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình) và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 38/2012/HSST ngày 13/8/2012, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 18 (Mười tám) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

- Bị hại:

+ Anh Trần Đức T, sinh năm 1991;

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1994 (vợ anh T);

Đều cùng nơi cư trú: Thôn 3, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhà Trần Đức T ở cạnh gia đình nhà chị Trần Thị H và anh Trần Đức T (chồng chị H) ở thôn 3, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam nên T biết vợ chồng chị H có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waveα màu xanh ngọc, thường hay để ở lán xe của gia đình chị H. Do không có phương tiện đi lại, lợi dụng lúc trời đang mưa to nên khoảng 00 giờ ngày 08/7/2021, T đi bộ từ nhà mình sang lán để xe của gia đình chị H, thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waveα màu xanh ngọc, biển kiểm soát 90B3-040.97, để ở lán sau nhà, xe vẫn cắm cả chìa khoá điện, T liền dắt chiếc xe mô tô ra đến cổng nhà chị H rồi nổ máy, điều khiển xe đi đến cầu S, xã H, huyện L, T dừng xe, lấy cờ lê ở trong hộp đựng đồ xe, tháo biển kiểm soát, lấy áo mưa ở hộp đựng đồ, bọc biển số và toàn bộ giấy để trong xe (trong đó có giấy đăng ký xe), vứt xuống sông C. Sau đó T điều khiển xe đi gửi tại bãi gửi xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định và thuê xe ôm đi về nhà mình ngủ. Đến sáng ngày 08/7/2021, vợ chồng chị H phát hiện mất xe mô tô nên đã kiểm tra camera của gia đình thấy khoảng 12h30’ có một đối tượng dắt chiếc xe mô tô từ lán đi ra, nghi ngờ T lấy trộm xe nên chị H đến nhà T nói chuyện, T thừa nhận đã lấy trộm chiếc xe mô tô của chị H, đồng thời đi xuống bãi gửi xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định lấy xe về trả cho anh T (chồng chị H). Chị H đã làm đơn trình báo Công an xã H và giao nộp cho cơ quan Công an huyện Lý Nhân chiếc xe mô tô (không có biển kiểm soát) mà T đã trộm cắp của gia đình chị.

Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) - Công an huyện Lý Nhân tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Tưởng và truy tìm chiếc biển số xe, áo mưa, giấy tờ xe nhưng không thu được tài liệu, đồ vật gì có liên quan.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-ĐGTS ngày 26/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lý Nhân kết luận: *“Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe* Waveα*, xe không có biển kiểm soát, màu sơn xanh-đen-bạc, số khung RLHJA3911KY336761, số máy JA39E - 1202089, tại thời điểm định giá có giá trị là: 12.810.000 (Mười hai triệu tám trăm mười nghìn) đồng”*.

Quá trình điều tra: Trần Đức T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của gia đình chị H. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Waveα, xe không có biển kiểm soát, màu sơn xanh - đen - bạc, số khung RLHJA3911KY336761, số máy JA39E - 1202089, là tài sản hợp pháp của vợ chồng chị H nên cơ quan CSĐT - Công an huyện Lý Nhân đã trả lại cho vợ chồng chị H.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Đức T đã bồi thường cho vợ chồng chị H anh T số tiền 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng, chị H và anh T không yêu cầu T phải bồi thường thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKSLN ngày 13/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam truy tố Trần Đức T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Đức T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Đức T từ 21 đến 24 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không phải giải quyết. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Trần Đức T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân đã truy tố bị cáo; không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08/7/2021, tại gia đình chị Trần Thị H (chồng là anh Trần Đức T) ở thôn 3, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của vợ chồng chị H, Trần Đức T đã lén lút vào lán để xe của gia đình chị H trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Waveα, màu sơn xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 90B3-040.97, số khung RLHJA3911KY336761, số máy JA39E - 1202089, trị giá là: 12.810.000 *(Mười hai triệu tám trăm mười nghìn)* đồng, sau đó T đã tháo biển kiểm soát xe, vứt cùng giấy tờ xe xuống sông C.

Hành vi nêu trên của Trần Đức T đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo

có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội *"Trộm cắp tài sản"*, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật lại tiếp tục phạm tội, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân địa phương. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo được bị cáo, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

- *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Toà án xét xử về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có mẹ (bà Trần Thị D) là người khuyết tật đặt biệt nặng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo yên tâm chấp hành án, sớm hoà nhập cộng đồng xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 và khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đức T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đức T phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đinh Thành Nam